

(Đề gồm có **03** trang)

I/ TRẮC NGHIỆM (3 điểm): Chọn đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Cách viết biểu diễn số hữu tỉ là

- A. $\frac{\sqrt{2}}{5}$. B. $3\frac{2}{7}$. C. $\frac{2,1(3)}{2}$. D. $\frac{3}{0}$.

Câu 2: Tập hợp số hữu tỉ \mathbb{Q} gồm

- A. Số hữu tỉ dương; số hữu tỉ âm và số 0. B. Số hữu tỉ âm.
C. Số nguyên âm; số nguyên dương và số 0. D. Số hữu tỉ dương.

Câu 3: Số đối của $-\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{2}{-1}$ B. -2 C. $-\left(-\frac{1}{2}\right)$ D. $\frac{1}{-2}$

Câu 4: Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. $\frac{-3}{-5} > 0$. B. $\frac{3}{10} < 0$. C. $-\frac{1}{2} > 3$. D. $-\frac{2}{3} > \frac{2}{3}$.

Câu 5: Khẳng định nào sau đây **đúng**?

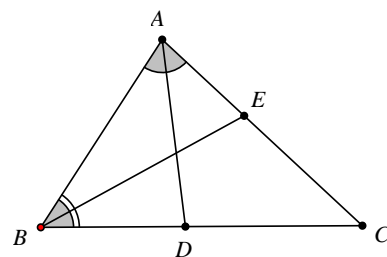
- A. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có $x^1 = 1$.
B. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$ và $x \neq 0$, ta có $x^0 = 0$.
C. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có $x^m \cdot x^n = x^{m \cdot n}$ ($m, n \in \mathbb{N}$).
D. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$ và $x \neq 0$, ta có $x^m : x^n = x^{m-n}$ ($m, n \in \mathbb{N}, m \geq n$).

Câu 6: Số x^{12} **không** phải là kết quả của phép tính nào sau đây?

- A. $x^2 \cdot x^6$. B. $x^{18} : x^6$ ($x \neq 0$). C. $x^8 \cdot x^4$. D. $(x^2)^6$.

Câu 7: Cho hình vẽ bên. Tia AD là tia phân giác của

- A. $\angle ABC$ B. $\angle BAC$. C. $\angle ACB$. D. $\angle ADC$



Câu 8: Biết Oz là tia phân giác của góc xOy và $\angle xOz = 40^\circ$.

- khi đó số đo của $\angle zOy$ bằng
A. 20° . B. 40° . C. 80° D. 140°

Câu 9: Số đường thẳng song song với đường thẳng a cho trước là

- A. 0 B. 1 C. 2 D. Vô số

Câu 10. Trong định lí: " Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia." Giả thiết của định lí là

A. "Nếu một đường thẳng vuông góc".

B. "Nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".

C. "Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".

D. "Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song".

Câu 11: Cho hai tam giác NMP và DEF có $MN = DE$; $MP = EF$, $NP = DF$, Ta có:

A. $\triangle MNP = \triangle DEF$.

B. $\triangle MPN = \triangle EDF$.

C. $\triangle NMP = \triangle DEF$.

D. $\triangle NMP = \triangle EFD$.

Câu 12. Cho biết $\triangle ABC = \triangle MNP$. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. $AB = MN$.

B. $BC = NP$

C. $\hat{B} = \hat{M}$.

D. $AC = MP$.

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (0,75 điểm) Viết phép tính $-7: 22$ dưới dạng số thập phân và sau đó làm tròn kết quả đến độ chính xác 0,005

Bài 2: (1,75 điểm) Tính hợp lý nếu có thể:

a) $\left(\frac{-3}{7}\right)^{2026} : \left(\frac{-3}{7}\right)^{2024}$

b) $\frac{-5}{9} + \frac{-4}{9} \cdot \frac{-1}{2}$

c) $\left(\frac{2}{3}\right)^2 \cdot \frac{2025}{2026} + \frac{4}{9} \cdot \frac{1}{2026} - 2\frac{1}{12}$

Bài 3:(1,0 điểm): Cho hình 1:

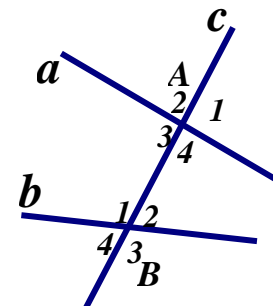
Trả lời các câu hỏi sau vào giấy bài làm.

a) Góc đối đỉnh với A_2 là

b) Góc đối đỉnh với A_3 là

c) Góc kề bù với B_1 là.....

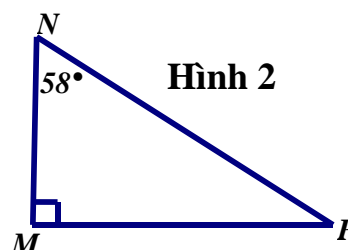
d) $B_1 + B_2 = \dots\dots\dots$ (kề bù)



Hình 1

Bài 4 (0,5 điểm) Cho hình 2.

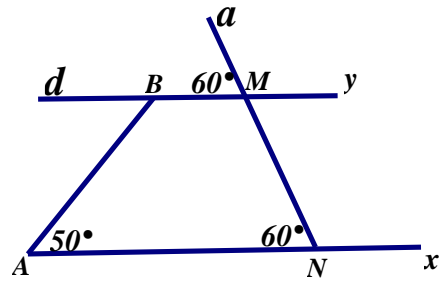
Hãy tính số đo của góc P.



Hình 2

Bài 5 (2,0 điểm) Cho hình 3.

- a) Giải thích tại sao $Ax \parallel By$
- b) Tính số đo góc ABd .
- c) Tính số đo góc ABM .



Hình 3

Bài 6:(1,0 điểm) Một công trường xây dựng cần chuyển về 35,7 tấn sắt. Lần đầu chở được $\frac{4}{7}$ số sắt đó về bằng xe tải, mỗi xe tải chở được 1,7 tấn sắt, lần thứ hai chở hết số sắt còn lại với số xe tải bằng $\frac{1}{2}$ số xe lúc đầu. Hỏi mỗi xe lúc sau chở được bao nhiêu kilogam sắt?

-----HẾT-----